| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN KRÔNG BÚK**<br>**TỈNH ĐẮK LẮK** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |
| Bản án số: 11/2023/HNGĐ-ST<br>Ngày: 31 - 8 - 2023<br>V/v Yêu cầu ly hôn, giải quyết về con chung | |

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG BÚK, TỈNH ĐẮK LẮK**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Hoàng Văn Vân.

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Vũ Công Đạt;
2. Ông Y Mưng Niê.

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Vũ Đức Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Búk tham gia phiên tòa****:* Ông Nguyễn Văn Toản - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: 77/2023/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2023, về *Yêu cầu ly hôn, giải quyết về con chung* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 24/7/2023 và Quyết định hoãn phiên toà số 05/2023/QĐST-HNGĐ ngày 14/8/2023, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Hữu T, sinh năm 1966.

Địa chỉ: Tổ dân phố T, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk – có mặt.

*2. Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1979.

Địa chỉ nơi cú trú cuối cùng: Thôn T, xã P (nay là tổ dân phố H, thị trấn P), huyện K, tỉnh Đắk Lắk – vắng mặt (bà X đã bị tuyên bố mất tích theo Quyết định số 01/2023/QĐST-VDS ngày 26/4/2023 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Lắk).

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Theo đơn khởi kiện ngày 23/5/2023, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà nguyên đơn ông Nguyễn Hữu T trình bày*:**

Về quan hệ hôn nhân: Ông T và bà X kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 30/9/1997 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Sau khi kết hôn cùng chung sống hoà thuận, đến năm 2017 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do không cùng quan điểm sống nên thường xuyên xung đột, cãi vã. Sau khi xảy ra mâu thuẫn thì bà X đã bỏ đi khỏi nơi cư trú tại thôn T, xã P (nay là tổ dân phố H, thị trấn P), huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Ông T đã liên hệ tìm kiếm nhiều nơi, qua hai bên gia đình nội ngoại và bạn bè nhưng không tìm được và không có tin tức gì về bà X, không biết hiện nay bà X đang làm gì, ở đâu nên ông T đã yêu cầu tuyên bố bà X mất tích và đã được giải quyết tại Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự về việc yêu cầu tuyên bố một người mất tích số 01/2023/QĐST-VDS ngày 26/4/2023 của Toà án nhân dân huyện K. Đến nay Ông T thấy tình cảm vợ chồng không còn, thực tế đã không còn chung sống, bà X đã bị tuyên bố mất tích nên ông T yêu cầu được ly hôn với bà X.

Về con chung: Có 03 con chung là Nguyễn Thuý K, sinh ngày 08/7/1998, Nguyễn Thuý H, sinh ngày 27/9/2001, do hai con đã đủ 18 tuổi nên ông T không yêu cầu Toà án giải quyết.

Đối với con là Nguyễn Cẩm Th, sinh ngày 25/12/2007, hiện con chưa đủ 18 tuổi nên ông T yêu cầu được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con đến khi con đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Nguyễn Thị X đã bị tuyên bố mất tích nên không ghi nhận được ý kiến,

Tòa án đã tiến hành niêm yết các thủ tục tố tụng đối với bà X theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Búk phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn từ khi thụ lý vụ án đến tại phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Do bà X bỏ đi biệt tích, đã bị tuyên bố mất tích nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện, cho ông T được ly hôn với bà X.

Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Cẩm Th, sinh ngày 25/12/2007, cho ông T được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi con đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con, do ông T không cầu nên đề nghị không xem xét giải

quyết.

Đối với hai con đã đủ 18 tuổi, ông T không yêu cầu nên đề nghị không xem xét giải quyết.

Về tài sản, nợ chung: Ông T không yêu cầu nên đề nghị không xem xét.

Về án phí: Ông T phải chịu toàn bộ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào lời trình bày của đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật, thủ tục tố tụng: Quan hệ pháp luật là yêu cầu ly hôn, giải quyết về con chung theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn có nơi cư trú cuối cùng là thôn T, xã P (nay là tổ dân phố H, thị trấn P), huyện K, tỉnh Đắk Lắk nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Búk theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã bị tuyên bố mất tích, quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành niêm yết các thủ tục tố tụng đối với bà X theo quy định của pháp luật, nên việc xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận định:

[2.1] Về yêu cầu ly hôn: Ông T và bà X kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 30/9/1997 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận. Tuy nhiên, đến năm 2017 do bất đồng quan điểm sống nên bà X và ông T phát sinh mâu thuẫn, bà X đã bỏ đi biệt tích nên thực tế vợ chồng đã không còn chung sống nên mục đích hôn nhân không đạt được. Tại Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 01/2023/QĐST-VDS ngày 26/4/2023 của Tòa án nhân dân huyện K đã tuyên bố bà X mất tích và Quyết định đã có hiệu lực pháp luật. Nay ông T yêu cầu được ly hôn với bà X là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 68 của Bộ luật dân sự và quy định tại khoản 2 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên cần chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Có 03 con chung là Nguyễn Thuý K, sinh ngày 08/7/1998, Nguyễn Thuý H, sinh ngày 27/9/2001, do hai con đã đủ 18 tuổi, ông T không yêu cầu giải quyết nên không xem xét là phù hợp.

Đối với con là Nguyễn Cẩm Th, sinh ngày 25/12/2007, từ khi bà X bỏ đi con vẫn do ông T chăm sóc, nuôi dưỡng, nên ông T yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con đủ 18 tuổi là phù hợp cần chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông T không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Ông T không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Ông T phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật, được khấu trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí là phù hợp.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ Luật tố tụng dân sự, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 68 của Bộ luật dân sự; Các Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 2 Điều 56, các Điều 57, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Hữu T.

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Hữu T được ly hôn với bà Nguyễn Thị X.

- Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Cẩm Th, sinh ngày 25/12/2007, cho ông Nguyễn Hữu T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con đủ 18 tuổi.

*Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con làm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con.*

- Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Nguyễn Hữu T không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

- Đối với con là Nguyễn Thuý K, sinh ngày 08/7/1998, Nguyễn Thuý H, sinh ngày 27/9/2001, đều đã đủ 18 tuổi, ông Nguyễn Hữu T không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông Nguyễn Hữu T không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Ông Nguyễn Hữu T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm số tiền 300.000 đồng *(ba trăm ngàn đồng),* được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng *(ba trăm ngàn*

*đồng)* đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2022/0000405 ngày 29/5/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Quyền kháng cáo bản án: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời giạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

*"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".*

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Búk;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện K;
- UBND xã C, huyện K;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(đã ký, đóng dấu)*

**Hoàng Văn Vân**